bō	làng									
波	浪									
bí	zǐ									
鼻	子									
bǎo	shí									
宝	石									
pāi	zǐ									
拍	子									
pú	táo									
葡	萄									

pǎo	bù									
跑	步									
bà	bà									
爸	爸									
qīn	bà									
亲	爸									
lǎo	bà									
老	爸									